TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 19-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Ông Dương Hoàng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Văn C, năm sinh 1967, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp C B, xã C B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Trần Thị X (đều đã chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa từng có tiền án, tiền sự; bị bắt, tạm giam: chưa; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Lê Phi T, Luật sư Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp bào chữa cho Phạm Văn C; có mặt.

- *Bị hại*: Nguyễn Thị C1, năm sinh 1963; có mặt.

Nơi cư trú: ấp C B, xã C B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Lý Văn Đ, Dương Bé T1, Phùng Học L, Dương Bé T2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 17 tháng 01 năm 2019, Phạm Văn C đang ở nhà thì thấy bà Nguyễn Thị C1 chạy xe ngang qua, do có mối quan hệ tình cảm từ trước, nghi ngờ bà C1 có quan hệ với người khác, nên điều khiển xe chạy theo phía sau. Khi đến nhà trọ P (thuộc ấp L, xã L), bà C1 vào thuê phòng số 7. Lúc này, thấy ông Lý Văn Đ đi vào phòng trọ cùng bà C1 nên C đạp cửa xông vào, dùng tay nắm áo ông Đ dọa đánh, nên ông Đ năn nỉ thì C buông ông Đ ra. Sau đó, C dùng tay trái đánh vào mặt bà C1 hai cái, tay phải cầm dao đe dọa, rồi dùng tay trái giật dây chuyền và chiếc lắc tay của bà C1 đang đeo bỏ vào túi quần bên trái. Lúc này, bà Dương Bé T1, ông Phùng Học L và bà Dương Bé T2 (là chủ nhà trọ) nghe tiếng cự cãi nên chạy đến khuyên can. C bỏ đi ra, thấy điện thoại di động hiệu Mobell của bà C1 để trong mũ bảo hiểm cầm ném vào tường làm điện thoại bị gãy làm hai phần. C nhặt lấy phần thân điện thoại bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe chạy đi. Khi gần đến nhà, C ném bỏ phần thân điện thoại ven đường, còn dây chuyền, lắc tay và con dao thì đem cất giấu trong tủ tại nhà. Bà C1 đến cơ quan Công an tố giác hành vi của C. Ngày 30 tháng 01 năm 2019, bà Nguyễn Thị C1 làm đơn từ chối giám định, không yêu cầu xử lý hình sự hành vi gây thương tích cho bà và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn C.

Vật chứng thu giữ:

- 01 sợi dây chuyền dài 49cm, có một đầu móc hình tròn của sợi dây chuyền bị quát, trọng lượng 4,14 chỉ vàng18kara (vàng 600); 01 mặt dây chuyền có đính nhiều hạt màu trắng, trọng lượng 0,79 chỉ vàng18kara; 01 chiếc lắc đeo tay dài 16,5cm có một đầu móc khoen bị đứt, trọng lượng 2,6 chỉ vàng18kara; 01 miếng hình tròn đường kính 0,1cm, trên hình tròn có một khoen hình tròn bị quát, trọng lượng 0,28 chỉ vàng18kara; 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đỏ nhạt, bị gãy rời phần thân và màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại C1.

- Một con dao bằng kim loại màu trắng dài 17,5cm (cán dao bằng kim loại dài 8,5cm, lưỡi dao dài 09cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 02cm).

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG-TTHS ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận, tại thời điểm ngày 17 tháng 01 năm 2019: 01 sợi dây chuyền trọng lượng 4,14 chỉ vàng 18kara trị giá 10.800.000 đồng; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 0,79 chỉ vàng 18kara trị giá 2.000.000 đồng; 01 chiếc lắc đeo tay trọng lượng 2,6 chỉ vàng 18kara trị giá 6.800.000 đồng; 01 miếng hình tròn trọng lượng 0,28 chỉ vàng 18kara trị giá 730.000 đồng; 01 điện thoại di động Mobell trị giá 400.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn C đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị C1 tiền nằm viện điều trị, tiền đổi và sửa chữa tài sản bị hư hỏng với tổng số tiền 3.000.000 đồng. Bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường khoản nào khác.

Tại Cáo trạng truy tố số 10/CT-VKSHN ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 03 đến 04 năm tù về "Tội cướp tài sản". Vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 con dao. Về dân sự: đã giải quyết xong nên không đề cập đến. Đối với hành vi gây thương tích, bà C1 đã làm đơn từ chối giám định và không yêu cầu xử lý hình sự, nên không xem xét xử lý đối với hành vi này của Phạm Văn C. Đối với hành vi của Phạm Văn C, Nguyễn Thị C1 và Lý Văn Đ lén lút hẹn gặp nhau chứ không đăng ký kết hôn, không chung sống như vợ chồng, không đủ cơ sở để xử lý dấu hiệu vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng nên không đề cập đến. Đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo.

Bị cáo C tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo giật vàng là trong đó có tài sản của bị cáo cho tiền bị hại mua. Bị cáo chỉ lấy tài sản nhằm mục đích cho bị hại đến gặp mặt bị cáo, chứ không cướp giật. Sau khi lấy tài sản, chỉ 15 phút sau, Công an đến thì bị cáo đã giao nộp ngay nên không có cướp tài sản. Bị cáo có cho tiền nên bị hại mới chịu sống với bị cáo. Nhờ Tòa án xem xét lại, giảm nhẹ tội cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo, luật sư Lê Phi T phát biểu: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng về mặt khách quan, nhưng về mặt chủ quan là do bị cáo có mối quan hệ tình cảm với bà C1, lén lút sống với nhau, có sự lợi dụng về mặt tiền nong, ông C giao tiền cho bà C1, bà C1 lại có mối quan hệ tình cảm với người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản là do ghen tuông, bực tức, do nhận thức pháp luật yếu kém. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có vợ hai con nhỏ, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã trả lại ngay tài sản, không gây thiệt hại lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại cũng có lỗi, bồi thường thiệt hại để sửa chữa tài sản cho bị hại, bị hại có đơn không xử lý hình sự đối với bị cáo, đề nghị áp dụng các điểm b, h, i, k, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo có đủ điều kiện, đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại không có ý kiến về mức hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo, người bào

chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn C khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đã có hành vi cố ý trực tiếp dùng tay đánh vào mặt, dùng dao đe dọa bị hại Nguyễn Thị C1, làm cho bị hại không dám chống cự để cướp dây chuyền, lắc tay, điện thoại di động của bị hại với tổng trị giá tài sản là 20.730.000 đồng. Bị cáo cho rằng có đưa tiền cho bị hại để mua vàng nhưng không chứng minh được. Vã lại, bị cáo cũng thừa nhận bị cáo chỉ cho tiền để bị hại đổi vàng chứ không phải mua mới hoàn toàn. Nếu muốn đòi lại tiền, vàng, có tranh chấp thì phải được giải quyết bằng một vụ việc dân sự chứ không thể xem thường pháp luật, tự ý dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản như bị cáo. Bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản của bị hại mang về nhà, dù bị cáo cho rằng với mục đích gì thì tội phạm cũng đã hoàn thành. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn C phạm "Tội cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS.

[4] Khoản 1 Điều 168 BLHS, quy định: "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm."

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo C là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[7] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp nên am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa, áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[11] Tình tiết bị hại làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự, Kiểm sát viên và người bào chữa cho rằng là tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận vì, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa, bị hại đã không có ý kiến về hình phạt đối với bị cáo, không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự thì tội cướp tài sản không khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại nên bị hại có làm đơn yêu cầu xử lý hình sự hay không cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[12] Những tình tiết người bào chữa đề nghị áp dụng nhưng không phù hợp nên không chấp nhận: (1) Bị cáo là lao động chính, có con nhỏ: Không được quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. (2) Trả lại ngay tài sản là khắc phục hậu quả: Đã được Hội đồng xét xử xem xét. (3) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn: Bị cáo chiếm đoạt hoàn thành tài sản có giá trị 20.730.000 đồng nên không thể áp dụng được tình tiết này. (4) Phạm tội lần đầu: Chưa đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ, vì điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS quy định "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", tức đây là lần đầu tiên trong đời bị cáo phạm tội và tội phạm có mức hình phạt tù từ 03 năm trở xuống, còn tội phạm bị cáo thực hiện có mức hình phạt cao nhất đến 10 năm tù là rất nghiêm trọng. (5) Tình tiết bị hại có lỗi: Bị hại chỉ có lỗi về lối sống không chung thủy với chồng của bị hại chứ không phải có lỗi với bị cáo. Đây cũng là bài học về lối sống không chung thủy của chính bị cáo, đang có vợ mà lại đi hò hẹn quan hệ với người khác nên mới xảy ra vụ án này.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[14] Về vật chứng: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[15] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm "Tội cướp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 (Hội đồng xét xử ra Quyết định bắt, tạm giam bị cáo tại phiên tòa).

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao bằng kim loại màu trắng, dài 17,5cm, cán dao bằng kim loại dài 8,5cm, lưỡi dao dài 09cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 02cm. Vật chứng do cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hồng

Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 5 năm 2019.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 6 năm 2019).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú